

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH HÀ TĨNH

1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2022/HS-ST

Ngày: 29/4/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Thành và ông Bùi Bá Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bạch Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Quý, Kiểm sát viên.

Ngày 28, 29 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2022/TLST-HS ngày 23/3/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HS ngày 15/4/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Đức T**. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày 17 tháng 9 năm 1989 tại xã Phú G, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Phú B, xã Phú G, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: V Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 3/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Đoàn Thanh T, sinh năm 1955. Hiện đang sinh sống tại xã Hòa H, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Con bà Lê Thị H, sinh năm 1952. Hiện đang sinh sống xã Phú G, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Anh chị em ruột: Không - bị cáo là con duy nhất. Vợ: Trần Thị Q, sinh năm 1988. Hiện đang sinh sống tại xã Phú G, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Các con: Có 3 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án:

+ Bản án số 05/2008/HSST ngày 29/01/2008 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

+ Bản án số 04/2008/HSST ngày 06/3/2008 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp cả 2 bản án buộc Lê Đức T phải chấp hành hình phạt chung là 72 tháng tù. Lê Đức T chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/5/2013; hiện chưa bồi thường dân sự cho người bị hại nên chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 11/2016/HSST ngày 12/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại Khoản 1, Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Lê Đức T đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2021, đến ngày 21/12/2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ tên: **Mai Xuân N**. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày 28 tháng 8 năm 1991 tại xã Ngọc S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Ngọc H, xã Ngọc S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: V Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 8/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Mai Xuân H, sinh năm 1947. Con bà Phan Thị Tâm, sinh năm 1946. Hiện đang sinh sống tại xã Ngọc S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Anh, chị, em ruột: Có 7 người, bị cáo là con thứ bảy. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Bản án số 16/2012/HSST ngày 28/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 9 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại Khoản 1, Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Mai Xuân N chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/12/2012; hiện chưa bồi thường dân sự cho người bị hại nên chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2021, đến ngày 21/12/2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

* *Người bào chữa cho bị cáo Lê Đức T:* Ông Trần Thanh Minh; Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

* *Người bào chữa cho bị cáo Mai Xuân N:* Ông Nguyễn Xuân Hiên; Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

* *Bị hại:* Anh Nguyễn Tiến H, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn Tây S, xã LVS, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Nơi cư trú: Thôn Tây S, xã LVS, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt khi xét xử vắng mặt khi tuyên án).

- Anh Trần Văn M, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn Ngọc L, xã Hương V, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; (vắng mặt)

- Anh Hồ Văn B, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn Ngọc H, xã Ngọc S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (Có đơn xin vắng mặt)

- Anh Trần Hữu V, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn Vĩnh P, xã Hương V, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 11 năm 2021, Lê Đức T có ý định rủ Mai Xuân N đi trộm cắp xe mô tô để T đưa đi tiêu thụ nên đã gọi điện thoại hỏi N “*Có xe mô tô không giấy không?*” (ý T hỏi N là có chiếc xe mô tô nào do trộm cắp mà có không); nghe vậy thì N hiểu ý của T nên trả lời “*Cái nó chú hỏi được, chú đang đi làm, có chi chú gọi*”. Do biết tối ngày 27/11/2021 tại nhà bà Trần Thị H ở Thôn Ngọc H, xã Ngọc S, huyện H có tổ chức đám vui cho con trai cưới vợ, Mai Xuân N nghĩ sẽ có cơ hội để lấy trộm xe mô tô nên N gọi điện thoại cho Lê Đức T hẹn xuống để lấy trộm xe máy.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 27/11/2021 tại đám vui nhà bà Nguyễn Thị H, Mai Xuân N nhìn thấy chiếc xe mô tô 38M1 - 277.81 (của anh Nguyễn Tiến H, sinh năm 1981, trú tại Thôn Tây S, xã LVS, huyện H), xung quanh không có ai. N sử dụng 01 chiếc Tuốcnovít chuẩn bị sẵn từ trước phá khoá cổ và mở khoá điện xe mô tô của anh H, rồi nhắn tin cho Lê Đức T và bảo T lại cầu Cà Cường lấy xe. Sau khi giao xe cho T xong, N tiếp tục quay trở lại đám vui ở nhà bà H rồi lấy xe mô tô biển kiểm soát 38M1 - 122.98 của mình đi về nhà. Còn T điều khiển xe mô tô 38M1 - 277.81 đi về nhà ở Thôn Phú B, xã Phú G, huyện K. Khi về gần đến nhà mình, T tháo biển kiểm soát ra và dùng Tuốcnovít đục cho biển dạng số khung, số máy của xe mô tô 38M1 - 277.81, rồi cất dấu xe, biển kiểm soát tại vườn cây keo lá tràm gần nhà rồi đi bộ về nhà nằm ngủ. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Mai Xuân N nhắn tin cho Lê Đức T với nội dung là tìm người bán chiếc xe mô tô vừa trộm được, T chỉ cần đưa cho N 1.500.000 đồng, số tiền còn lại T sẽ được hưởng.

Khoảng 08 giờ ngày 28/11/2021, Lê Đức T dùng một chiếc chìa khoá có sẵn rồi điều khiển xe 38M1 - 277.81 đến quán cà phê Mái Lá ở xã Phú G, huyện K. Tại đây, T nghe anh Trần Hữu V, sinh năm 1984, trú tại Thôn Vĩnh P, xã Hương V, huyện K (ngồi uống cà phê với bạn ở bàn bên cạnh) nói chuyện anh Trần Văn M, sinh năm 1990, trú tại Thôn Ngọc L, xã Hương V, huyện K đang cần mua một chiếc xe mô tô để đi làm công việc trong rừng. Nghe được câu chuyện đó, sau khi uống cà phê xong, Lê Đức T đi ngang bàn của anh Trần Hữu V và nói “*Mua xe tôi bán cho*” và hẹn anh V đến chợ Gia ở xã Phú G, huyện K bàn bạc. Sau đó, anh Trần Hữu V gọi điện thoại cho anh Trần Văn M nói về việc Lê Đức T có xe mô tô bán và thông báo địa điểm hẹn gặp là tại chợ Gia. Anh Trần Văn M đi đến chợ Gia gặp Lê Đức T và thỏa thuận, thống nhất giá chiếc xe mô tô nói trên là 5.500.000 đồng. Quá trình mua bán xe, anh Trần Văn M không hỏi và Lê Đức T cũng không nói cho anh M biết nguồn gốc chiếc xe mô tô trên là do T trộm cắp mà có. Mua bán xong, anh Trần Văn M đưa xe mô tô 38M1 - 277.81 (không còn biển kiểm soát) về nhà, tự gắn biển kiểm soát 38H9 - 0374 nhặt được trước đó vào chiếc xe mô tô này để sử dụng.

Đến trưa ngày 29/11/2021, Lê Đức T gọi điện cho Mai Xuân N nói gửi số tài khoản để chuyển tiền bán xe mô tô lấy trộm được. Mai Xuân N đã nhắn tin số tài khoản Ngân hàng Vietcombank của anh Hồ Văn B, sinh năm 1985, trú tại Thôn Ngọc H, xã Ngọc S, huyện H cho Lê Đức T. Do không có tiền trong tài khoản nên Lê Đức T đưa tiền mặt và nhờ một người bán hàng tạp hoá ở thị trấn Hương Khê, huyện K chuyển khoản tiền vào số tài khoản của anh Hồ Văn B. Do

người bán hàng tạp hóa không có đủ 1.500.000 đồng nên chỉ chuyển khoản được 1.300.000 đồng. Vì trước đó Mai Xuân N đang nợ anh Hồ Văn B 1.000.000 đồng nên chỉ được nhận từ anh B 300.000 đồng. T bộ số tiền thu lợi bất chính từ việc bán chiếc xe mô tô trộm cắp được, các đối tượng đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 15/12/2021, do nhận thức được hành vi của mình và biết không thể trốn tránh pháp luật được nên Mai Xuân N đã đến Công an huyện H đầu thú.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 50/KLĐG ngày 17/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, kết luận: Giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen - xám, biển kiểm soát 38M1 - 277.81, số khung 3240HY112868, số máy E3X9E319063, đã qua sử dụng tại thời điểm định giá là 12.400.000 đồng.

Vật chứng thu giữ bao gồm:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha số loại Sirius, màu đen - xám, số máy E3X9E319063 (bị chà xát nhiều vết nhòe nhìn rõ), số khung bị đục xóa không còn nhìn rõ, gắn biển kiểm soát 38H9 - 0374, xe đã qua sử dụng;

- 01 biển kiểm soát xe mô tô 38M1 - 277.81;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha số loại Sirius, màu vàng - đen, biển kiểm soát 38M1 - 122.98, xe đã qua sử dụng (mang tên Mai Xuân N do Công an huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 31/3/2014, hiện N đã làm mất Giấy chứng nhận đăng ký mô tô - xe máy, chưa làm thủ tục xin cấp lại);

- 01 chìa khóa xe mô tô;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S, màu đen, gắn thẻ Sim có số thuê bao 0325.688.807 của Mai Xuân N;

- 1.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước V Nam.

Các vật chứng không thu giữ được:

- 01 chiếc Tuốcnovít Mai Xuân N đã sử dụng để phá khóa xe mô tô biển kiểm soát 38M1 - 277.81 (N đã làm mất, không nhớ cụ thể ở đâu);

- 01 chiếc điện thoại di động có gắn thẻ Sim mà Lê Đức T đã dùng để liên lạc với Mai Xuân N trong quá trình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (T đã làm mất, không biết mất khi nào, ở đâu);

- 01 chiếc Tuốcnovít Lê Đức T sử dụng để đục số khung, số máy của xe mô tô biển kiểm soát 38M1 - 277.81 (T đã vứt đi, nay không nhớ rõ địa điểm).

Số tiền 300.000 đồng mà Mai Xuân N và 4.200.000 đồng mà Lê Đức T có được do bán xe mô tô trộm cắp, các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết và hiện chưa nộp lại số tiền hưởng lợi bất chính nói trên.

Ngày 07/01/2022, xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha số loại Sirius, màu đen - xám, số máy E3X9E319063, số khung đã bị tẩy xóa và một biển kiểm soát 38M1 - 277.81 cho chủ sở hữu Nguyễn Thị H.

Các vật chứng còn lại hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo quy định.

Trách nhiệm dân sự:

Sau khi nhận lại tài sản bị mất trộm, vợ chồng anh Nguyễn Tiến H và chị Nguyễn Thị H không có yêu cầu gì thêm. Anh Trần Văn M không yêu cầu các bị

cáo phải bồi thường số tiền 5.500.000 đồng tiền bán xe trộm cắp cho anh M. Anh Hồ Văn B đã tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000 đồng còn việc N nợ tiền anh B sẽ do hai bên tự giải quyết và không yêu cầu gì thêm

Với hành vi trên, tại cáo trạng số 28/CT-VKSTH, ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Lê Đức T, Mai Xuân N về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, điều 58, điều 38 BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Đức T từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điều 17, điều 58, điều 38 BLHS: Xử phạt bị cáo Mai Xuân N từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a,b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a,b,c khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy: 01 biển kiểm soát xe mô tô 38H9 - 0374; 01 chìa khóa xe mô tô.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha số loại Sirius, màu vàng - đen, biển kiểm soát 38M1 - 122.98, xe đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S, màu đen, gắn thẻ Sim có số thuê bao 0325.688.807 của Mai Xuân N; số tiền 1.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước V Nam.

Truy thu nộp ngân sách Nhà nước tổng số tiền 4.500.000đ, trong đó từ bị cáo Lê Đức T số tiền 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm ngàn đồng); bị cáo Mai Xuân N 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền thu lợi bất chính.

Về án phí: Bị cáo Lê Đức T và Mai Xuân N là hộ nghèo nên đề nghị HĐXX miễn án phí cho các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố, bị cáo Lê Đức T không có ý kiến tranh luận gì. Còn bị cáo Mai Xuân N có nguyện vọng được nhận lại chiếc xe mô tô đã bị cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa Trợ giúp viên pháp lý Trần Thanh Minh bào chữa cho bị cáo Lê Đức T với nội dung: H T đồng tình với quan điểm của Kiểm sát viên về phần tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo Lê Đức T. Tuy nhiên việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” là không đúng. H cảnh gia đình bị

cáo đặc biệt khó khăn, các con còn nhỏ dại trong độ tuổi ăn học, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, trình độ dân trí thấp, tang số của vụ án không lớn. Đề nghị HĐXX không áp dụng dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” và xử phạt bị cáo mức án bằng với thời gian tạm giữ, tạm giam, trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa. Các vấn đề khác đã được tranh luận làm rõ tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý nhất trí, không có ý kiến gì khác.

Luật sư Nguyễn Xuân Hiền phát biểu bài bào chữa cho bị cáo Mai Xuân N với nội dung: Đồng tình với quan điểm của Kiểm sát viên về phần tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét H cảnh của bị cáo rất khó khăn, sau khi phạm tội bị cáo luôn thành khẩn khai báo, trình độ dân trí thấp, bị cáo còn phải chăm sóc bố mẹ già yếu, nghề nghiệp không ổn định nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ 1 phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan H của pháp luật.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đã biết lỗi, rất hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của quyết định và hành vi của các cơ quan và những người tiến hành tố tụng:* Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của những người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] *Những căn cứ xác định tội danh:*

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Đức T, Mai Xuân N đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 27/11/2021, tại Thôn Ngọc H, xã Ngọc S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, Lê Đức T và Mai Xuân N đã lén lút lấy trộm của anh Nguyễn Tiến H một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha số loại Sirius, màu đen - xám, biển kiểm soát 38M1 - 277.81 có trị giá 12.400.000 đồng, để bán lấy 5.500.000 đồng chia nhau tiêu xài cá nhân.

Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát huyện H truy tố các bị cáo Lê Đức T, Mai Xuân N về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Đức T chưa bồi thường phần dân sự của bản án số 04/2008 ngày 06/3/2008 của Tòa án nhân dân huyện K; bị cáo Mai Xuân N chưa bồi thường phần dân sự của bản án số 16/2012/HSST ngày

28/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện K nên cả hai bị cáo đều chưa được xóa án tích đối với các bản án nêu trên. Vì vậy, hai bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm”, theo quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” đối với bị cáo Lê Đức T với lý do: Theo quy định tại điểm d mục 11 Nghị quyết 01/2000 ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao và Pháp lệnh thi hành án dân sự, Bộ luật hình sự năm 1999 thì bị cáo T được đương nhiên xóa án tích. HĐXX xét thấy, điểm d mục 11 Nghị quyết 01/2000 ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn việc xóa án tích đối với trường hợp hết thời hiệu thi hành bản án theo quy định tại Điều 64 BLHS năm 1999. Bị cáo T đã chấp hành xong hình phạt tù NH chưa chấp hành xong các nghĩa vụ khác của bản án nên chưa được xóa án tích. Vì vậy, đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý không có căn cứ để chấp nhận.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại tiết đầu điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, Mai Xuân N đầu thú, là hộ cận nghèo. Lê Đức T là hộ nghèo, có mẹ ruột là người được hưởng chính sách như thương binh và được hưởng trợ cấp thờ cúng Liệt sỹ nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Về hình phạt:

Xem xét tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự ghi nhận bảo vệ, xâm phạm trật tự an T xã hội. Bản thân các bị cáo đều đã bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản. NH các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành người công dân tốt mà vẫn tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Lê Đức T là người đã 3 lần bị xét xử đều về tội trộm cắp tài sản giữ vai trò chính là người khởi xướng vừa là người thực hành tích cực, bị cáo Mai Xuân N tham gia với vai trò đồng hành tích cực, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng đối với các bị cáo một hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy trong vụ án nay, cả hai bị cáo có H cảnh đặc biệt khó khăn, đều là hộ nghèo, hộ cận nghèo, trình độ dân trí thấp, giá trị tài sản trộm cắp không lớn, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thành khẩn khai báo. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan H của Đảng và Nhà nước ta.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Lê Đức T từ 15 tháng đến 18 tháng tù; bị cáo Mai Xuân N từ 12 tháng đến 15 tháng là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Vợ chồng anh Nguyễn Tiến H và chị Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản bị mất trộm không có yêu cầu gì thêm. Anh Trần Văn M không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 5.500.000 đồng tiền bán xe trộm cắp cho anh M. Anh Hồ Văn B đã tự nguyện nộp lại 1.000.000đ, không yêu cầu gì thêm. Vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[7]. Về tiền thu lợi bất chính: Số tiền 300.000 đồng mà Mai Xuân N và 4.200.000 đồng mà Lê Đức T có được do bán xe mô tô trộm cắp, các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Đây là số tiền thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử xét thấy cần truy thu từ các bị cáo để nộp Ngân sách Nhà nước.

[8]. Về xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha số loại Sirius, màu đen - xám, số máy E3X9E319063, số khung đã bị tẩy xóa và một biển kiểm soát 38M1 - 277.81 cho chủ sở hữu hợp pháp Nguyễn Thị H.

Việc trả lại vật chứng này của Cơ quan cảnh sát điều tra là đúng quy định của pháp luật, chủ sở hữu tài sản không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX miễn xét.

Các vật chứng còn lại gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha số loại Sirius, màu vàng - đen, biển kiểm soát 38M1 - 122.98, xe đã qua sử dụng (mang tên Mai Xuân N do Công an huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 31/3/2014, hiện N đã làm mất Giấy chứng nhận đăng ký mô tô - xe máy, chưa làm thủ tục xin cấp lại); 01 chìa khóa xe mô tô; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S, màu đen, gắn thẻ Sim có số thuê bao 0325.688.807 của Mai Xuân N; Số tiền 1.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước V Nam. Đây là các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ và tiêu hủy các vật chứng không có giá trị sử dụng theo quy định.

[9] *Về án phí*: Cả hai bị cáo thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tại phiên tòa, các bị cáo đều xin được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Vì vậy, cần áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Đức T và Mai Xuân N.

[10] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[11] *Các vấn đề khác*:

Trong vụ án này, anh Trần Văn M là người mua chiếc xe mô tô do Mai Xuân N và Lê Đức T lấy trộm được. Tuy nhiên, quá trình mua bán, anh M H T không biết được chiếc xe mô tô này là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện H không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Trần Văn M.

Đối với anh Trần Hữu V là người giới thiệu để anh Trần Văn M mua chiếc xe mô tô do Lê Đức T lấy trộm được. Quá trình điều tra xác định anh V không quen biết với Lê Đức T, H T không biết được nguồn gốc chiếc xe mô tô này là do T phạm tội mà có và anh V cũng không được hưởng lợi gì từ việc mua, bán xe nên không có cơ sở xem xét xử lý anh Trần Hữu V.

Đối với anh Hồ Văn B, là người cho Mai Xuân N số tài khoản Ngân hàng để Lê Đức T chuyển khoản số tiền 1.300.000 đồng đến cho N. Quá trình điều tra xác định anh B không biết được nguồn gốc số tiền chuyển đến nói trên là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xem xét xử lý anh Hồ Văn B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Đức T, Mai Xuân N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; tiết đầu điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điều 17, điều 58, điều 38 BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Đức T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam.(ngày 15/12/2021).

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; tiết đầu điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điều 17, điều 58, điều 38 BLHS: Xử phạt bị cáo Mai Xuân N 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 15/12/2021).

[3]. Về áp dụng các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a,b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a,b,c khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy: 01 biển kiểm soát xe mô tô 38H9 - 0374; 01 chìa khóa xe mô tô.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha số loại Sirius, màu vàng - đen, biển kiểm soát 38M1 - 122.98; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S, màu đen, gắn thẻ Sim có số thuê bao 0325.688.807 của Mai Xuân N; Số tiền 1.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước V Nam (theo ủy nhiệm chi ngày 15/4/2022).

Truy thu nộp ngân sách Nhà nước tổng số tiền 4.500.000đ, trong đó từ bị cáo Lê Đức T số tiền 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm ngàn đồng); bị cáo Mai Xuân N 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng có tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19/4/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh)

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Đức T và Mai Xuân N.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Chi cục THA dân sự huyện H;
- Thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu Hồ sơ; VT

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**Lê Thị Thanh Huệ**